VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17/2024/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024*

THÔNG TƯ
Quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 15 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán của tổ chức, cá nhân tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

2. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của người cư trú và người không cư trú, tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của người không cư trú và người cư trú là cá nhân người nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán được mở tài khoản thanh toán bao gồm:

a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước);

b) Ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã (sau đây gọi tắt là ngân hàng);

c) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Tổ chức, cá nhân mở tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (sau đây gọi tắt là khách hàng).

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Điều 3. Các hình thức của tài khoản thanh toán

1. Các hình thức của tài khoản thanh toán bao gồm: tài khoản thanh toán của cá nhân, tài khoản thanh toán của tổ chức và tài khoản thanh toán chung.

2. Tài khoản thanh toán của cá nhân là tài khoản thanh toán do khách hàng là cá nhân mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

3. Tài khoản thanh toán của tổ chức là tài khoản thanh toán do khách hàng là tổ chức mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. Chủ tài khoản thanh toán của tổ chức là tổ chức mở tài khoản thanh toán.

4. Tài khoản thanh toán chung là tài khoản thanh toán có ít nhất hai chủ thể trở lên cùng đứng tên mở tài khoản. Chủ tài khoản thanh toán chung là tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Trả lãi đối với số dư trên tài khoản thanh toán

1. Số dư trên tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được tính lãi theo mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ấn định và niêm yết công khai phù hợp với quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

2. Việc trả lãi đối với số dư trên tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại Ngân hàng Nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ.

Điều 5. Ủy quyền trong sử dụng tài khoản thanh toán

1. Chủ tài khoản thanh toán được ủy quyền trong sử dụng tài khoản thanh toán. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản, phù hợp với quy định pháp luật về ủy quyền và quy định sau:

a) Đối với tài khoản thanh toán của cá nhân: chủ tài khoản thanh toán gửi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nơi mở tài khoản văn bản ủy quyền kèm tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết đối với cá nhân, pháp nhân là người được ủy quyền. Tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết đối với người được ủy quyền thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 Thông tư này;

b) Đối với tài khoản thanh toán của tổ chức: chủ tài khoản thanh toán gửi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán nơi mở tài khoản văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức (sau đây gọi chung là người đại diện hợp pháp), kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán) kèm tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết đối với cá nhân là người được ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

2. Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải áp dụng biện pháp xác minh thông tin nhận biết đối với người được ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này.

Điều 6. Phong tỏa tài khoản thanh toán

1. Tài khoản thanh toán bị phong toả một phần hoặc toàn bộ số dư trên tài khoản thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt và quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố; phòng chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Việc chấm dứt phong toả tài khoản thanh toán được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP và quy định pháp luật về phòng, chống khủng bố; phòng chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Sau khi phong tỏa tài khoản thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải thông báo cho chủ tài khoản thanh toán hoặc người đại diện theo pháp luật, người giám hộ của cá nhân mở tài khoản thanh toán quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 11 Thông tư này (sau đây gọi chung là người đại diện) biết về lý do và phạm vi phong tỏa tài khoản thanh toán (trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền có văn bản yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không thông báo cho khách hàng về việc phong tỏa tài khoản thanh toán). Hình thức thông báo theo thỏa thuận mở, sử dụng tài khoản thanh toán quy định tại Điều 13 Thông tư này.

4. Số tiền bị phong tỏa trên tài khoản thanh toán phải được bảo toàn và kiểm soát chặt chẽ theo nội dung phong tỏa. Trường hợp tài khoản thanh toán bị phong tỏa một phần số tiền trên tài khoản thanh toán thì phần không bị phong tỏa vẫn được sử dụng bình thường.

Chương II
MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Điều 7. Đối tượng mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước

1. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước mở tài khoản thanh toán cho các tổ chức sau:

a) Tổ chức tín dụng (trụ sở chính);

b) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;

c) Kho bạc Nhà nước Trung ương;

d) Các tổ chức khác theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) mở tài khoản thanh toán cho Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, huyện, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn.

Điều 8. Việc mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục mở tài khoản thanh toán cho Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP.

2. Việc mở tài khoản thanh toán cho các tổ chức khác theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc các điều ước, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia.

Điều 9. Sử dụng tài khoản thanh toán mở tại Ngân hàng Nhà nước

1. Tài khoản thanh toán mở tại Ngân hàng Nhà nước được sử dụng để nộp, rút tiền mặt, phát hành séc, hạch toán, theo dõi và thực hiện các lệnh thanh toán qua các hệ thống thanh toán do Ngân hàng Nhà nước tổ chức và vận hành, thanh toán từng lần qua tài khoản thanh toán và các dịch vụ thanh toán khác do Ngân hàng Nhà nước cung ứng.

2. Tài khoản thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước được sử dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán khi tham gia nghiệp vụ thị trường mở, mua bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

3. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có các quyền, trách nhiệm sau:

a) Chủ động trích (ghi Nợ) tài khoản thanh toán của khách hàng trong các trường hợp:

(i) Thu các khoản nợ đến hạn, quá hạn, tiền lãi và các khoản phí phát sinh trong quá trình quản lý tài khoản thanh toán và cung ứng các dịch vụ thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Điều chỉnh các khoản mục bị hạch toán sai, hạch toán không đúng bản chất hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng của tài khoản thanh toán theo quy định của pháp luật;

(iii) Khi phát hiện đã ghi Có nhầm vào tài khoản thanh toán của khách hàng hoặc theo yêu cầu hủy/hoàn trả lệnh chuyển Có của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phục vụ bên chuyển tiền do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền phát hiện thấy có sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển;

(iv) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền trong việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định thi hành án, quyết định thu thuế hoặc các nghĩa vụ thanh toán khác theo quy định của pháp luật.

b) Từ chối thực hiện lệnh thanh toán của chủ tài khoản trong trường hợp:

(i) Lệnh thanh toán không hợp pháp, hợp lệ;

(ii) Chủ tài khoản không thực hiện đầy đủ yêu cầu về thủ tục thanh toán, lệnh thanh toán không khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Tài khoản thanh toán không đủ số dư;

(iv) Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

c) Lưu giữ và cập nhật đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán bao gồm mẫu chữ ký, mẫu dấu (nếu có) của tổ chức mở tài khoản để kiểm tra, đối chiếu trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán;

d) Cung cấp thông tin về giao dịch thanh toán, số dư trên tài khoản thanh toán cho các tổ chức mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước để kiểm tra, đối chiếu.

4. Kho bạc Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước có quyền, trách nhiệm sau:

a) Sử dụng số dư trên tài khoản thanh toán của mình để thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ;

b) Lựa chọn sử dụng các phương tiện thanh toán, dịch vụ và tiện ích thanh toán do Ngân hàng Nhà nước cung ứng;

c) Yêu cầu Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi mở tài khoản thanh toán thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ và được cung cấp thông tin về giao dịch thanh toán, số dư trên tài khoản thanh toán của mình.

d) Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời về các tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán và các thông tin khác theo yêu cầu của Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi mở tài khoản thanh toán;

đ) Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi mở tài khoản thanh toán thông báo thay đổi thông tin về tài khoản thanh toán theo mẫu Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Chịu trách nhiệm về những rủi ro phát sinh trong trường hợp cung cấp, cập nhật thông tin không đầy đủ, chính xác, kịp thời và những thiệt hại do sai sót của mình gây ra.

Điều 10. Đóng tài khoản thanh toán mở tại Ngân hàng Nhà nước

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đóng tài khoản thanh toán và việc xử lý số dư còn lại trên tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP.

2. Việc đóng tài khoản thanh toán của ngân hàng trung ương các nước, ngân hàng nước ngoài, tổ chức tiền tệ quốc tế, ngân hàng quốc tế thực hiện theo các điều ước và thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia.

Chương III
MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN TẠI NGÂN HÀNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Điều 11. Đối tượng mở tài khoản thanh toán

1. Cá nhân mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm:

a) Người từ đủ 15 tuổi trở lên không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự theo quy định pháp luật Việt Nam;

b) Người chưa đủ 15 tuổi, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam mở tài khoản thanh toán thông qua người đại diện theo pháp luật;

c) Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của pháp luật Việt Nam mở tài khoản thanh toán thông qua người giám hộ.

2. Tổ chức được thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam bao gồm: tổ chức là pháp nhân (pháp nhân Việt Nam, pháp nhân nước ngoài), doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh và các tổ chức khác được mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hồ sơ mở tài khoản thanh toán

1. Hồ sơ mở tài khoản thanh toán bao gồm các tài liệu, thông tin, dữ liệu sau:

a) Thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

b) Các tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này;

c) Thỏa thuận việc quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán chung giữa các chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán (nếu có) đối với trường hợp mở tài khoản thanh toán chung.

2. Tài liệu, thông tin, dữ liệu về giấy tờ tùy thân của khách hàng là cá nhân:

a) Trường hợp cá nhân là công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân, Thẻ căn cước hoặc Căn cước điện tử (thông qua việc truy cập vào tài khoản định danh điện tử mức độ 02) hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Giấy khai sinh đối với người dưới 14 tuổi;

b) Trường hợp cá nhân là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch: Giấy chứng nhận căn cước;

c) Trường hợp cá nhân là người nước ngoài:

(i) Hộ chiếu, đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam phải có thêm thị thực nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị thay thị thực hoặc giấy tờ chứng minh được miễn thị thực nhập cảnh; hoặc

(ii) Danh tính điện tử (thông qua việc truy cập vào tài khoản định danh điện tử mức độ 02).

3. Tài liệu, thông tin, dữ liệu của khách hàng là tổ chức: Các tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Luật Phòng, chống rửa tiền; bao gồm các tài liệu, thông tin, dữ liệu của người đại diện hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp cá nhân mở tài khoản thanh toán thông qua người đại diện theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 11 Thông tư này thì ngoài các tài liệu, thông tin, dữ liệu nêu tại khoản 1 Điều này, hồ sơ mở tài khoản thanh toán phải có thêm:

a) Trường hợp người đại diện là cá nhân: các tài liệu, thông tin, dữ liệu phục vụ việc nhận biết, xác minh thông tin nhận biết của người đại diện theo quy định

tại khoản 2 Điều này và giấy tờ chứng minh tư cách người đại diện hợp pháp của người đại diện đối với cá nhân mở tài khoản thanh toán;

b) Trường hợp người đại diện là pháp nhân: tài liệu, thông tin, dữ liệu phục vụ việc nhận biết, xác minh thông tin nhận biết của pháp nhân theo quy định tại khoản 3 Điều này và giấy tờ chứng minh tư cách người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó đối với cá nhân mở tài khoản thanh toán.

5. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được quy định thêm các tài liệu, thông tin, dữ liệu khác trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán ngoài các tài liệu, thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, nhưng phải thông báo và hướng dẫn cụ thể cho khách hàng biết.

6. Việc thu thập, lưu giữ hồ sơ mở tài khoản thanh toán phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Các tài liệu là văn bản giấy trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán phải là bản chính hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu phù hợp với quy định của pháp luật về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Đối với trường hợp xuất trình bản chính để đối chiếu, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính. Đối với các tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, thực hiện hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự;

b) Đối với các tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán là dữ liệu điện tử, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải kiểm tra, đối chiếu, xác thực đảm bảo nội dung đầy đủ, chính xác và lưu trữ theo đúng quy định pháp luật về giao dịch điện tử;

c) Trường hợp các tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán nêu tại điểm a, b khoản này bằng tiếng nước ngoài, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thỏa thuận với khách hàng về việc dịch hoặc không dịch ra tiếng Việt nhưng phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

(i) Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải kiểm tra, kiểm soát và chịu trách nhiệm xác nhận về nội dung của các tài liệu, thông tin, dữ liệu bằng tiếng nước ngoài đảm bảo đáp ứng đủ các thông tin yêu cầu cung cấp tại Thông tư này;

(ii) Các tài liệu, thông tin, dữ liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; bản dịch phải có xác nhận của người có thẩm quyền của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc phải được công chứng hoặc chứng thực;

d) Các tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này phải còn hiệu lực và thời hạn sử dụng trong quá trình mở, sử dụng tài khoản thanh toán.

Điều 13. Thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán

1. Thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán giữa ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Số văn bản (nếu có), thời điểm (ngày, tháng, năm) lập thỏa thuận;

b) Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Thông tin về khách hàng mở tài khoản thanh toán theo quy định tại Điều 14 Thông tư này;

d) Quyền, nghĩa vụ cụ thể của các bên phù hợp với quy định tại Điều 20, 21 Thông tư này;

đ) Nội dung về duy trì số dư tối thiểu trên tài khoản thanh toán và các loại phí, mức phí, cách thức thu phí, việc điều chỉnh phí trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán;

e) Việc sử dụng tài khoản thanh toán gồm:

(i) Việc sử dụng tài khoản thanh toán phải phù hợp với quy định tại Điều 17 Thông tư này;

(ii) Phạm vi, hạn mức giao dịch trên tài khoản thanh toán khi thực hiện thanh toán;

(iii) Các trường hợp trích Nợ tài khoản thanh toán theo quy định pháp luật và các trường hợp trích Nợ khác liên quan đến gian lận, lừa đảo khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền;

(iv) Việc quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán chung (đối với tài khoản thanh toán chung);

g) Các trường hợp phong tỏa, chấm dứt phong tỏa tài khoản thanh toán, bao gồm:

(i) Trường hợp phát hiện có sai lệch hoặc có dấu hiệu bất thường trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán;

(ii) Trường hợp có cơ sở nghi ngờ tài khoản thanh toán của khách hàng gian lận, vi phạm pháp luật;

(iii) Các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật;

h) Các trường hợp đóng tài khoản thanh toán và xử lý số dư còn lại khi đóng tài khoản thanh toán, bao gồm:

(i) Trường hợp phát hiện khách hàng sử dụng giấy tờ giả, mạo danh để mở hoặc sử dụng tài khoản thanh toán cho mục đích lừa đảo, gian lận hoặc các hoạt động bất hợp pháp khác;

(ii) Trường hợp tài khoản không duy trì đủ số dư và không phát sinh giao dịch trong khoảng thời gian nhất định theo quy định của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(iii) Các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật;

i) Việc cung cấp thông tin và hình thức thông báo cho chủ tài khoản thanh toán biết về: số dư và các giao dịch phát sinh trên tài khoản thanh toán; việc tài khoản thanh toán bị phong tỏa, đóng; thời điểm hết hạn hiệu lực, hạn sử dụng của giấy tờ tùy thân trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán và các thông tin cần thiết khác trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán;

k) Phương thức tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại; thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại và việc xử lý kết quả tra soát, khiếu nại phù hợp với quy định về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt;

l) Việc thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật trong sử dụng tài khoản thanh toán, trong đó bao gồm: các trường hợp xác minh lại thông tin nhận biết khách hàng và việc từ chối thực hiện giao dịch hoặc tạm dừng các giao dịch thanh toán, rút tiền trên tài khoản thanh toán phù hợp với quy định tại Điều 19 Thông tư này;

m) Việc xử lý dữ liệu cá nhân của khách hàng hoặc dữ liệu cá nhân do khách hàng cung cấp, việc cung cấp thông tin cho bên thứ ba nhằm phục vụ việc cung ứng dịch vụ thanh toán cho khách hàng, xử lý các trường hợp nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm quy định pháp luật;

n) Các trường hợp cung cấp thông tin bao gồm:

(i) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng;

(ii) Cung cấp thông tin về số dư trên tài khoản thanh toán cho người đại diện, người thừa kế (hoặc người đại diện của người thừa kế) của chủ tài khoản thanh toán cá nhân khi chủ tài khoản thanh toán chết hoặc bị tuyên bố đã chết.

2. Trường hợp thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện:

a) Niêm yết công khai mẫu thỏa thuận, điều kiện giao dịch chung tại địa điểm giao dịch và đăng tải trên trang thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng giao dịch ngân hàng trên internet, điện thoại di động (nếu có) của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Cung cấp đầy đủ thông tin về mẫu thỏa thuận, điều kiện giao dịch chung cho khách hàng và có biện pháp để xác nhận việc khách hàng đã đọc và đồng ý là đã được cung cấp đầy đủ thông tin.

3. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thỏa thuận với khách hàng các nội dung khác không trái với quy định pháp luật.

Điều 14. Thông tin về khách hàng mở tài khoản thanh toán

1. Đối với tài khoản thanh toán của cá nhân phải bao gồm các thông tin sau:

a) Đối với cá nhân là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại; số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân; ngày cấp, nơi cấp, ngày hết hạn hiệu lực của giấy tờ tuỳ thân; mã số thuế (nếu có); địa chỉ đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại khác (nếu có); thuộc đối tượng người cư trú hay người không cư trú;

b) Đối với cá nhân là người nước ngoài: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nghề nghiệp, chức vụ; số điện thoại; số hộ chiếu hoặc thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, ngày cấp, nơi cấp, ngày hết hạn hiệu lực của hộ chiếu; số định danh người nước ngoài (nếu có); số thị thực nhập cảnh hoặc số giấy tờ thay thị thực nhập cảnh (đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam), trừ

trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài và nơi đăng ký cư trú tại Việt Nam (trường hợp người nước ngoài cư trú tại Việt Nam); thuộc đối tượng người cư trú hay người không cư trú;

c) Đối với khách hàng cá nhân là người có từ hai quốc tịch trở lên, bao gồm các thông tin tương ứng tại điểm a, b khoản này; số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, ngày hết hạn hiệu lực của hộ chiếu; quốc tịch, địa chỉ cư trú ở quốc gia mang quốc tịch còn lại;

d) Trường hợp cá nhân mở tài khoản thanh toán thuộc đối tượng quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 11 Thông tư này, thông tin người đại diện, cụ thể:

(i) Người đại diện là cá nhân, thông tin về cá nhân là người đại diện được thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c khoản này;

(ii) Người đại diện là pháp nhân, thông tin về pháp nhân là người đại diện được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đối với tài khoản thanh toán của tổ chức phải bao gồm các thông tin sau:

a) Thông tin về chủ tài khoản gồm: Tên giao dịch đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính; địa chỉ giao dịch; số giấy phép thành lập hoặc số giấy tờ chứng minh tổ chức được thành lập, hoạt động hợp pháp; mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế (nếu có); mẫu dấu (nếu có); số định danh của tổ chức (nếu có); số điện thoại; số fax, trang thông tin điện tử (nếu có); lĩnh vực hoạt động, kinh doanh;

b) Thông tin về người đại diện hợp pháp của tổ chức mở tài khoản thanh toán và người được ủy quyền (nếu có) theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

c) Thông tin về kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu có) của tổ chức mở tài khoản thanh toán theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

3. Đối với tài khoản thanh toán chung phải bao gồm các thông tin sau:

a) Trường hợp chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là cá nhân, phải có các thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là tổ chức, phải có các thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 15. Trình tự, thủ tục mở tài khoản thanh toán

1. Khi có nhu cầu mở tài khoản thanh toán, khách hàng cung cấp cho ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi đề nghị mở tài khoản thanh toán các tài liệu,

thông tin, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

2. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ và đối chiếu đảm bảo sự khớp đúng, chính xác của các tài liệu, thông tin, dữ liệu mà khách hàng cung cấp và tiến hành xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

3. Sau khi hoàn thành việc kiểm tra, đối chiếu và xác minh thông tin nhận biết khách hàng, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện:

a) Trường hợp các tài liệu, thông tin, dữ liệu đã đầy đủ, chính xác và hợp pháp, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp cho khách hàng nội dung về thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

b) Trường hợp các tài liệu, thông tin, dữ liệu chưa đầy đủ, chính xác hoặc không khớp đúng, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông báo cho khách hàng để kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối mở tài khoản thanh toán và nêu rõ lý do cho khách hàng biết;

c) Trường hợp phát hiện khách hàng sử dụng tài liệu, thông tin, dữ liệu giả mạo, không hợp pháp hoặc khách hàng thuộc Danh sách đen theo quy định pháp luật phòng chống rửa tiền, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền và xử lý theo quy định pháp luật.

4. Sau khi khách hàng đồng ý với các nội dung về thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện mở tài khoản thanh toán và thông báo cho khách hàng về số hiệu, tên tài khoản thanh toán, ngày bắt đầu hoạt động của tài khoản thanh toán.

5. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài căn cứ điều kiện, khả năng cung ứng của đơn vị mình để hướng dẫn về hồ sơ, trình tự, thủ tục mở tài khoản thanh toán cho khách hàng là người khuyết tật nhưng phải đảm bảo thu thập đủ tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Thông tư này.

6. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài căn cứ điều kiện, khả năng cung ứng của đơn vị mình để hướng dẫn khách hàng về hồ sơ, trình tự, thủ tục mở tài khoản thanh toán cho khách hàng, trong đó bao gồm các trường hợp từ chối mở

tài khoản thanh toán phù hợp với quy định tại Thông tư này, quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và chịu trách nhiệm về tính chính xác, chặt chẽ, đầy đủ của hồ sơ mở tài khoản thanh toán với khách hàng.

Điều 16. Mở tài khoản thanh toán bằng phương tiện điện tử

1. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ban hành quy định nội bộ về quy trình, thủ tục mở tài khoản thanh toán bằng phương tiện điện tử phù hợp với quy định tại Thông tư này, pháp luật về phòng, chống rửa tiền, giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, đảm bảo an toàn, bảo mật và bao gồm tối thiểu các bước như sau:

a) Thu thập các tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 12 Thông tư này và:

(i) Thông tin sinh trắc học của chủ tài khoản đối với khách hàng là cá nhân;

(ii) Thông tin sinh trắc học của người đại diện hợp pháp đối với khách hàng là tổ chức;

b) Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của các tài liệu, thông tin, dữ liệu xác minh thông tin nhận biết khách hàng và phải thực hiện đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của chủ tài khoản thanh toán (đối với khách hàng là cá nhân), người đại diện hợp pháp (đối với khách hàng là tổ chức) với:

(i) Dữ liệu sinh trắc học được lưu trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp hoặc thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử của người đó do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập; hoặc

(ii) Dữ liệu sinh trắc học đã được thu thập và kiểm tra (đảm bảo sự khớp đúng giữa dữ liệu sinh trắc học của người đó với dữ liệu sinh trắc học trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp hoặc với dữ liệu sinh trắc học của người đó thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập);

c) Hiển thị cảnh báo cho khách hàng về các hành vi không được thực hiện khi mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng phương tiện điện tử và có giải pháp kỹ thuật xác nhận đảm bảo việc khách hàng đã đọc đầy đủ các nội dung cảnh báo;

d) Cung cấp cho khách hàng nội dung thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định tại Điều 13 Thông tư này và xác nhận sự chấp thuận của khách hàng đối với thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

đ) Thông báo cho khách hàng về số hiệu, tên tài khoản thanh toán, hạn mức giao dịch qua tài khoản thanh toán và ngày bắt đầu hoạt động của tài khoản thanh toán.

2. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự quyết định biện pháp, hình thức, công nghệ phục vụ việc mở tài khoản thanh toán bằng phương tiện điện tử, tự chịu rủi ro phát sinh (nếu có) và phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau:

a) Biện pháp, hình thức, công nghệ được ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lựa chọn phải đảm bảo tiêu chuẩn về an ninh, an toàn, bảo mật theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

b) Xác nhận việc khách hàng chấp thuận với các nội dung tại thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán:

(i) Đối với tài khoản thanh toán của cá nhân: có biện pháp kỹ thuật sử dụng hình thức xác nhận bằng phương tiện điện tử để thể hiện sự chấp thuận của chủ tài khoản đối với các nội dung tại thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán;

(ii) Đối với tài khoản thanh toán của tổ chức: người đại diện hợp pháp ký chữ ký điện tử để khẳng định sự chấp thuận của chủ tài khoản đối với các nội dung tại thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán;

c) Lưu trữ, bảo quản đầy đủ, chi tiết đối với các tài liệu, thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng trong quá trình mở, sử dụng tài khoản thanh toán bằng phương tiện điện tử, như: thông tin nhận biết khách hàng; các yếu tố sinh trắc học của chủ tài khoản thanh toán cá nhân, người đại diện hợp pháp của tổ chức mở tài khoản thanh toán; âm thanh, hình ảnh, bản ghi hình, ghi âm; số điện thoại đăng ký giao dịch trên phần mềm ứng dụng giao dịch ngân hàng trên internet, điện thoại di động; thông tin định danh duy nhất của thiết bị giao dịch (địa chỉ MAC); nhật ký giao dịch; kết quả đối chiếu thông tin sinh trắc học theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Các thông tin, dữ liệu phải được lưu trữ an toàn, bảo mật, được sao lưu dự phòng, đảm bảo tính đầy đủ, toàn vẹn của dữ liệu để phục vụ cho công tác kiểm tra, đối chiếu, xác thực chủ tài khoản trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán,

giải quyết tra soát, khiếu nại, tranh chấp và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền. Thời gian thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền và giao dịch điện tử;

d) Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thường xuyên kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn, bảo mật của biện pháp, hình thức, công nghệ và thực hiện tạm dừng cung cấp dịch vụ để nâng cấp, chỉnh sửa, hoàn thiện trong trường hợp có dấu hiệu mất an toàn.

3. Việc mở tài khoản thanh toán bằng phương tiện điện tử không áp dụng đối với các trường hợp sau:

a) Tài khoản thanh toán chung;

b) Tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ;

c) Khách hàng cá nhân theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 11 Thông tư này, khách hàng cá nhân là người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi.

Điều 17. Sử dụng tài khoản thanh toán

1. Chủ tài khoản được sử dụng tài khoản thanh toán để nộp, rút tiền mặt và yêu cầu ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản như: cung ứng phương tiện thanh toán, thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ gia tăng khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc sử dụng tài khoản thanh toán của cá nhân là người chưa đủ 15 tuổi, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi phải được thực hiện thông qua người đại diện. Người đại diện thực hiện các giao dịch thanh toán thông qua tài khoản thanh toán của người được đại diện theo quy định của pháp luật dân sự về giám hộ và đại diện.

3. Việc sử dụng tài khoản thanh toán được mở để phục vụ việc theo dõi các khoản tiền ký quỹ, đảm bảo khả năng thanh toán và các mục đích khác theo quy định pháp luật phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật có liên quan. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được chủ động trích Nợ đối với các khoản tiền ký quỹ, số tiền trên tài khoản đảm bảo thanh toán, các khoản tiền để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp khoản tiền ký quỹ, khoản tiền để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho chính ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó.

4. Việc sử dụng tài khoản thanh toán chung phải thực hiện đúng theo các nội dung tại văn bản thỏa thuận (hoặc hợp đồng) quản lý, sử dụng tài khoản thanh toán chung của các chủ tài khoản và phải tuân theo các nguyên tắc sau:

a) Các chủ tài khoản thanh toán chung có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài khoản thanh toán chung và việc sử dụng tài khoản thanh toán chung phải được sự chấp thuận của tất cả các chủ tài khoản. Mỗi chủ tài khoản phải chịu trách nhiệm thanh toán cho toàn bộ các nghĩa vụ nợ phát sinh từ việc sử dụng tài khoản thanh toán chung;

b) Thông báo liên quan đến việc sử dụng tài khoản thanh toán chung phải được gửi đến tất cả các chủ tài khoản, trừ trường hợp giữa ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các chủ tài khoản thanh toán chung có thỏa thuận khác;

c) Từng chủ tài khoản thanh toán chung có thể ủy quyền cho người khác (bao gồm chủ tài khoản thanh toán chung còn lại) thay mặt mình sử dụng tài khoản thanh toán chung nhưng phải được sự đồng ý bằng văn bản của tất cả các chủ tài khoản thanh toán chung còn lại;

d) Khi một trong các chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là cá nhân bị chết, bị tuyên bố là đã chết, bị tuyên bố mất tích, mất năng lực hành vi dân sự; chủ thể đứng tên mở tài khoản thanh toán chung là tổ chức bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật thì quyền sử dụng tài khoản và nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài khoản thanh toán chung được giải quyết theo quy định của pháp luật;

e) Trường hợp các chủ tài khoản thanh toán chung có quốc tịch, tình trạng cư trú khác nhau thì tài khoản thanh toán chung chỉ được sử dụng trong phạm vi được phép của tất cả các chủ tài khoản thanh toán chung theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối.

5. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hướng dẫn khách hàng sử dụng tài khoản thanh toán đảm bảo nguyên tắc:

a) Phạm vi sử dụng và hạn mức giao dịch theo từng đối tượng khách hàng phù hợp với quy định về quản lý rủi ro và thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Thông tư này;

b) Có đủ thông tin cần thiết để kiểm tra, đối chiếu, xác minh thông tin nhận biết khách hàng trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán;

c) Chỉ được thực hiện rút tiền, giao dịch thanh toán bằng phương tiện điện tử trên tài khoản thanh toán khi đã hoàn thành việc đối chiếu khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của chủ tài khoản hoặc người đại diện (đối với khách hàng cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp (đối với khách hàng tổ chức) với:

(i) Dữ liệu sinh trắc học được lưu trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước của người đó đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp hoặc thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử của người đó do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập; hoặc

(ii) Dữ liệu sinh trắc học được thu thập thông qua gặp mặt trực tiếp người đó đối với trường hợp là người nước ngoài không sử dụng danh tính điện tử, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch; hoặc

(iii) Dữ liệu sinh trắc học đã được thu thập và kiểm tra (đảm bảo sự khớp đúng giữa dữ liệu sinh trắc học của người đó với dữ liệu sinh trắc học trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp hoặc với dữ liệu sinh trắc học của người đó thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập); hoặc

(iv) Dữ liệu sinh trắc học của người đó được lưu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp sử dụng thẻ căn cước công dân không có bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa;

d) Áp dụng các biện pháp xác thực đối với từng loại giao dịch trong thanh toán bằng phương tiện điện tử theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng bằng phương tiện điện tử;

đ) Việc sử dụng tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của người không cư trú, người cư trú là cá nhân nước ngoài và tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ phải tuân thủ quy định tại Điều này và các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối.

6. Việc xử lý tra soát, khiếu nại trong sử dụng tài khoản thanh toán thực hiện theo thỏa thuận giữa chủ tài khoản thanh toán với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và quy định về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

Điều 18. Đóng tài khoản thanh toán

1. Việc đóng tài khoản thanh toán và xử lý số dư còn lại trên tài khoản thanh toán khi đóng tài khoản thanh toán được thực hiện theo quy định tại Điều 12

Nghị định số 52/2024/NĐ-CP và thỏa thuận giữa ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với chủ tài khoản theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 13 Thông tư này.

2. Sau khi đóng tài khoản thanh toán, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thông báo cho chủ tài khoản thanh toán, người đại diện hoặc người thừa kế hợp pháp biết trong trường hợp chủ tài khoản thanh toán của cá nhân bị chết, bị tuyên bố là đã chết. Trường hợp chủ tài khoản thanh toán, người đại diện hoặc người thừa kế hợp pháp đã được thông báo nhưng không đến nhận, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xử lý số dư còn lại khi đóng tài khoản thanh toán theo thỏa thuận trước giữa chủ tài khoản thanh toán với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Sau khi đóng tài khoản thanh toán, khách hàng có nhu cầu sử dụng tài khoản thanh toán phải thực hiện thủ tục mở tài khoản thanh toán theo quy định tại Thông tư này.

Điều 19. Đảm bảo an toàn, bảo mật trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán

1. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải ban hành quy định nội bộ về quản lý rủi ro trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán bao gồm các nội dung:

a) Các biện pháp kiểm tra, đối chiếu, xác minh thông tin nhận biết khách hàng trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán gồm:

(i) Biện pháp kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ và đối chiếu đảm bảo sự khớp đúng, chính xác của các tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán của khách hàng;

(ii) Áp dụng các biện pháp ngăn chặn các hành vi mạo danh, can thiệp, chỉnh sửa, làm sai lệch việc xác minh thông tin nhận biết khách hàng trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán của khách hàng;

(iii) Biện pháp kỹ thuật, giải pháp công nghệ để đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của khách hàng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 và điểm c khoản 5 Điều 17 Thông tư này;

(iv) Các biện pháp đảm bảo việc sử dụng tài khoản thanh toán được thực hiện bởi chính chủ tài khoản thanh toán hoặc người được ủy quyền hoặc người đại diện hoặc người đại diện hợp pháp;

(v) Các biện pháp khác do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định nhằm phòng, chống rủi ro gian lận, mạo danh, vi phạm pháp luật hoặc lợi dụng tài khoản thanh toán cho mục đích bất hợp pháp;

b) Bộ tiêu chí nhận diện các tài khoản thanh toán có dấu hiệu nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Bộ tiêu chí) tối thiểu bao gồm các dấu hiệu về: nghi ngờ tính hợp pháp, hợp lệ của giấy tờ, tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán; số lượng, giá trị, tần suất giao dịch qua tài khoản thanh toán không phù hợp với thông tin nhận biết khách hàng của chủ tài khoản; chủ tài khoản thanh toán hoặc người đại diện hợp pháp của tổ chức mở tài khoản thuộc danh sách cảnh báo của cơ quan chức năng. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thường xuyên rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật Bộ tiêu chí dựa trên các tài liệu, thông tin, dữ liệu trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán của khách hàng;

c) Xác định các loại rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động mở, sử dụng tài khoản thanh toán và biện pháp xử lý rủi ro tương ứng. Biện pháp xử lý rủi ro bao gồm:

(i) Quy định về phạm vi, hạn mức giao dịch theo các mức độ rủi ro phân theo đối tượng khách hàng; trong đó có quy định cụ thể biện pháp quản lý rủi ro với đối tượng khách hàng chưa đủ 18 tuổi;

(ii) Các trường hợp phải thực hiện cập nhật, xác minh lại thông tin nhận biết khách hàng, bao gồm các trường hợp theo quy định tại khoản 4 Điều này;

(iii) Các trường hợp áp dụng từ chối hoặc tạm dừng thực hiện rút tiền, các giao dịch thanh toán bằng phương tiện điện tử;

d) Quy định về việc kiểm tra, đối chiếu thông tin nhận biết chủ tài khoản với Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán của Ngân hàng Nhà nước và danh sách khách hàng liên quan nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật đã được Bộ Công an và cơ quan chức năng khác cung cấp (nếu có) để áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp;

đ) Quy định nội bộ về quản lý rủi ro phải thường xuyên được rà soát, chỉnh sửa bổ sung dựa trên các chỉ đạo, khuyến nghị, cảnh báo của cơ quan chức năng và các thông tin, dữ liệu cập nhật, rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện mở và sử dụng tài khoản thanh toán cho khách hàng.

2. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thường xuyên cảnh báo, hướng dẫn cho khách hàng về các phương thức thủ đoạn tội phạm trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán; hướng dẫn việc bảo mật thông tin dữ liệu và việc sử dụng tài khoản thanh toán an toàn.

3. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải theo dõi thời hạn hiệu lực giấy tờ tùy thân của chủ tài khoản và người liên quan trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán; thông báo cho khách hàng tối thiểu 30 ngày trước ngày hết hiệu lực của giấy tờ tùy thân để kịp thời yêu cầu khách hàng cập nhật, bổ sung thông tin; tạm dừng giao dịch thanh toán, rút tiền trên tài khoản thanh toán đối với các trường hợp giấy tờ tùy thân của khách hàng hết hiệu lực hoặc hết thời hạn sử dụng.

4. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xác minh lại thông tin nhận biết khách hàng và kịp thời áp dụng biện pháp theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong các trường hợp dưới đây:

a) Khách hàng có các dấu hiệu đáng ngờ theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền;

b) Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có cơ sở nghi ngờ tính hợp pháp, hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ mở, tài khoản thanh toán của khách hàng đã thu thập trước đây;

c) Thông tin của chủ tài khoản thanh toán cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của tổ chức mở tài khoản thanh toán có trong Danh sách đen theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, danh sách nghi ngờ gian lận, lừa đảo của Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán của Ngân hàng Nhà nước hoặc danh sách khách hàng liên quan nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật đã được Bộ Công an và cơ quan chức năng khác cung cấp (nếu có);

d) Thông tin về tài khoản thanh toán, chủ tài khoản thanh toán sai lệch, không phù hợp với thông tin, dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tuân thủ các quy định về an toàn, bảo mật thông tin trong hoạt động mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của chủ tài khoản thanh toán

1. Chủ tài khoản thanh toán có quyền:

a) Sử dụng số tiền trên tài khoản thanh toán của mình để thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ;

b) Lựa chọn và thỏa thuận việc sử dụng các phương tiện thanh toán, dịch vụ và tiện ích thanh toán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi khách hàng mở tài khoản thanh toán;

c) Ủy quyền trong sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định tại Điều 5 Thông tư này;

d) Yêu cầu ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản thanh toán thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ và được cung cấp thông tin về số dư và các giao dịch phát sinh trên tài khoản thanh toán của mình theo thỏa thuận với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

đ) Yêu cầu ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản thanh toán thực hiện việc phong tỏa, chấm dứt phong tỏa theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP, đóng tài khoản thanh toán đã mở; được gửi thông báo cho ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc phát sinh tranh chấp về tài khoản thanh toán chung giữa các chủ tài khoản thanh toán chung;

e) Yêu cầu ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hướng dẫn quản lý, sử dụng tài khoản thanh toán an toàn và giải đáp, xử lý các thắc mắc, khiếu nại trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo thỏa thuận với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản thanh toán với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản thanh toán không trái với quy định của pháp luật.

2. Chủ tài khoản thanh toán có nghĩa vụ:

a) Đảm bảo có đủ tiền trên tài khoản thanh toán để thực hiện các lệnh thanh toán đã lập. Trường hợp có thỏa thuận thấu chi với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản thì phải thực hiện các nghĩa vụ liên quan khi chi trả vượt quá số dư Có trên tài khoản;

b) Chấp hành các quy định về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại Thông tư này và thỏa thuận với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Kịp thời thông báo cho ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản khi phát hiện thấy những sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản thanh toán của mình hoặc nghi ngờ tài khoản của mình bị lợi dụng;

d) Hoàn trả hoặc phối hợp với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoàn trả các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Có vào tài khoản thanh toán của mình;

đ) Cung cấp đầy đủ, chính xác và cập nhật kịp thời cho ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài những thông tin trong hồ sơ tài khoản thanh toán, các thông tin bổ sung theo yêu cầu của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo thỏa thuận; chịu trách nhiệm về những rủi ro phát sinh trong trường hợp cung cấp, cập nhật thông tin không đầy đủ, chính xác, kịp thời và những thiệt hại do sai sót của mình gây ra;

e) Duy trì số dư tối thiểu trên tài khoản thanh toán theo quy định của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

g) Không thực hiện những hành vi bị cấm về mở và sử dụng tài khoản thanh toán quy định tại Điều 8 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi khách hàng mở tài khoản có quyền:

a) Chủ động trích Nợ tài khoản thanh toán của khách hàng trong các trường hợp sau:

(i) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền trong việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định thi hành án, quyết định thu thuế hoặc các nghĩa vụ thanh toán khác theo quy định của pháp luật và thông báo cho chủ tài khoản thanh toán biết;

(ii) Để điều chỉnh các khoản mục bị hạch toán sai, hạch toán không đúng bản chất hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng của tài khoản thanh toán theo quy định của pháp luật và thông báo cho chủ tài khoản thanh toán biết;

(iii) Khi phát hiện đã ghi Có nhầm vào tài khoản của khách hàng hoặc theo yêu cầu hủy lệnh chuyển Có của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phục vụ bên chuyển tiền do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phục vụ bên chuyển tiền phát hiện thấy có sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền đã lập; việc trích Nợ tài khoản thanh toán phải thông báo cho chủ tài khoản thanh toán biết;

(iv) Theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản thanh toán với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để chi trả các khoản thanh toán thường xuyên, định kỳ hoặc thu các khoản nợ đến hạn, quá hạn, lãi và các chi phí phát sinh; việc trích Nợ tài khoản thanh toán phải thông báo cho chủ tài khoản thanh toán biết;

b) Từ chối thực hiện lệnh thanh toán của chủ tài khoản thanh toán trong các trường hợp sau:

(i) Lệnh thanh toán không hợp pháp, hợp lệ;

(ii) Chủ tài khoản thanh toán không thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục thanh toán hoặc yếu tố trên lệnh thanh toán không khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán hoặc lệnh thanh toán không phù hợp với các thỏa thuận mở, sử dụng tài khoản thanh toán;

(iii) Tài khoản thanh toán không đủ số dư để thực hiện lệnh thanh toán hoặc vượt hạn mức thấu chi;

(iv) Tài khoản thanh toán bị đóng hoặc phong tỏa toàn bộ;

(v) Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật;

(vi) Chủ tài khoản thanh toán vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP;

(vii) Chủ tài khoản thanh toán từ chối cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ về nhận biết khách hàng theo yêu cầu của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc khi có nghi ngờ về tính trung thực của thông tin và mục đích giao dịch đối với các giao dịch đặc biệt phải giám sát theo quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền;

(viii) Các trường hợp khác theo thỏa thuận trước với khách hàng tại thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán bao gồm: trường hợp tài khoản thanh toán có dấu hiệu liên quan đến lừa đảo gian lận, phục vụ cho mục đích bất hợp pháp theo các tiêu chí của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Từ chối thực hiện yêu cầu đóng, phong tỏa tài khoản thanh toán của chủ tài khoản thanh toán trong trường hợp chủ tài khoản thanh toán chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền hoặc chưa thanh toán xong các khoản nợ phải trả cho ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

d) Quy định về số dư tối thiểu, phạm vi sử dụng, cách thức sử dụng, hạn mức giao dịch trên tài khoản thanh toán và thông báo công khai, hướng dẫn cụ thể để khách hàng biết;

đ) Quy định các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữa chủ tài khoản thanh toán và ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không trái với quy định pháp luật hiện hành.

2. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nghĩa vụ:

a) Thực hiện lệnh thanh toán của chủ tài khoản thanh toán sau khi đã kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của lệnh thanh toán;

b) Lưu giữ và cập nhật đầy đủ các mẫu chữ ký, mẫu dấu (nếu có) của khách hàng đã đăng ký để kiểm tra, đối chiếu trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán;

c) Kịp thời ghi Có vào tài khoản thanh toán của khách hàng các lệnh thanh toán chuyển tiền đến, nộp tiền mặt vào tài khoản; hoàn trả các khoản tiền do sai sót đã ghi Nợ đối với tài khoản thanh toán của khách hàng; phối hợp hoàn trả các khoản tiền đã được xác định chuyển nhầm vào tài khoản thanh toán của khách hàng theo đề nghị của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phục vụ bên chuyển tiền do sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền đã lập;

d) Thông tin đầy đủ, kịp thời cho chủ tài khoản thanh toán thông tin về số dư, các giao dịch, chứng từ của các giao dịch phát sinh trên tài khoản thanh toán và việc phong tỏa tài khoản thanh toán bằng văn bản hoặc theo các hình thức đã quy định tại thỏa thuận mở, sử dụng tài khoản thanh toán và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với những thông tin mà mình cung cấp;

đ) Cập nhật thông tin khách hàng định kỳ hoặc khi khách hàng thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán và kịp thời cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng khi xác định khách hàng có mức độ rủi ro cao theo tiêu chí do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ban hành. Bảo quản lưu trữ hồ sơ tài khoản thanh toán và các chứng từ giao dịch qua tài khoản theo đúng quy định của pháp luật;

e) Bảo mật các thông tin, dữ liệu cá nhân của khách hàng hoặc dữ liệu cá nhân do khách hàng cung cấp, các thông tin liên quan đến tài khoản thanh toán và các giao dịch trên tài khoản thanh toán của khách hàng theo quy định của pháp luật;

g) Chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh trong trường hợp:

(i) Thiệt hại do sai sót hoặc do lỗi của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm việc không tuân thủ đúng quy định pháp luật về an toàn, bảo mật trong cung cấp dịch vụ;

(ii) Thiệt hại do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện đúng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về xử lý các trường hợp liên quan đến gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật;

(iii) Thiệt hại do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không áp dụng biện pháp xử lý theo quy định nội bộ về quản lý rủi ro trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán khi nhận được văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc khách hàng, tài khoản thanh toán của khách hàng liên quan đến gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật;

h) Tuân thủ quy định pháp luật về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố và không thực hiện những hành vi bị cấm về mở và sử dụng tài khoản thanh toán quy định tại Điều 8 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP;

i) Hướng dẫn khách hàng sử dụng tài khoản thanh toán an toàn, thông báo, giải thích cho khách hàng về hành vi bị cấm trong mở, sử dụng tài khoản thanh toán và giải đáp, xử lý kịp thời thắc mắc, khiếu nại của khách hàng trong mở và sử dụng tài khoản thanh toán theo quy định tại Thông tư này và thỏa thuận giữa chủ tài khoản thanh toán với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

k) Ban hành quy định nội bộ về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hướng dẫn, thông báo công khai để khách hàng biết và thực hiện. Quy định nội bộ phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

(i) Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục mở tài khoản thanh toán, trong đó bao gồm trường hợp mở tài khoản thanh toán bằng phương tiện điện tử và việc mở tài khoản thanh toán đối với các khách hàng là người khuyết tật, người không đủ năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

(ii) Quy định về thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản thanh toán;

(iii) Quy định về việc sử dụng tài khoản thanh toán;

(iv) Quy định về xử lý tra soát, khiếu nại, mẫu giấy đề nghị tra soát khiếu nại;

(v) Quy định về quản lý rủi ro trong việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này.

Điều 22. Cung cấp thông tin

1. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp thông tin về tài khoản thanh toán của khách hàng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước để thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

2. Chậm nhất ngày 10 hàng tháng, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước thông tin về các tài khoản có dấu hiệu gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này. Việc cung cấp thông tin được thực hiện bằng phương tiện điện tử theo hướng dẫn kỹ thuật kết nối của Ngân hàng Nhà nước.

Chương IV
TỔ CHỨC THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, 3, 4 và khoản 5 Điều này.

2. Điều 12, 13, 14, 15, 16 và Điều 19 (trừ quy định tại khoản 3) Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2024.

3. Quy định tại điểm c khoản 5 Điều 17 áp dụng đối với tài khoản thanh toán của cá nhân và khoản 3 Điều 19 Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

4. Quy định tại điểm c khoản 5 Điều 17 Thông tư này áp dụng đối với tài khoản thanh toán của tổ chức có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

5. Đối với các tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt:

a) Điều 16, quy định tại điểm c khoản 5 Điều 17 áp dụng đối với tài khoản thanh toán của cá nhân và khoản 3 Điều 19 Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

b) Quy định tại điểm c khoản 5 Điều 17 Thông tư này áp dụng đối với tài khoản thanh toán của tổ chức có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

6. Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 02/2019/TT-NHNN ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và Thông tư số 16/2020/TT-NHNN ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trừ các Điều 12, 13, 13a, 14 và Điều 14a có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2024.

Điều 24. Quy định chuyển tiếp

Đối với các khách hàng mở tài khoản thanh toán trước ngày 01 tháng 10 năm 2024, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phối hợp với khách hàng thực hiện cập nhật, bổ sung tài liệu, thông tin, dữ liệu tại hồ sơ tài khoản thanh toán đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 12 Thông tư này, hoàn thành trước ngày 01/01/2026.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Thanh toán có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chịu trách nhiệm thanh tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này và xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Phạm Tiến Dũng

Phụ lục số 01

ĐƠN VỊ..... (Tên Tổ chức mở tài khoản thanh toán)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ TÀI KHOẢN THANH TOÁN MỞ TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Kính gửi:.....

Tên tổ chức mở tài khoản thanh toán (Chủ tài khoản): .....

.....

Quyết định thành lập số: .....

Địa chỉ giao dịch:..... Điện thoại giao dịch:.....

Tên tài khoản thanh toán: .....

Số tài khoản thanh toán: .....

Nơi mở tài khoản thanh toán: .....

Mã ngân hàng:

Đăng ký thay đổi thông tin về tài khoản thanh toán với Ngân hàng Nhà nước..... như sau (chỉ khai những nội dung thay đổi):

1. Thay đổi thông tin về tài khoản thanh toán:

- Tên tổ chức mở tài khoản thanh toán: .....

- Địa chỉ, điện thoại giao dịch:.....

- Người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền: .....

- Kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán, người kiểm soát chứng từ giao dịch với NHNN):.....

- .....

2. Thay đổi về mẫu dấu, chữ ký sử dụng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước [1]:

a) Thay đổi mẫu chữ ký:.....

b) Thay đổi mẫu dấu (nếu có):.....

3. Thay đổi về thông tin, tài liệu trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán:

- Giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Giấy tờ tùy thân của người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền, kế toán trưởng (người phụ trách kế toán) và người được ủy quyền;

Chúng tôi cam kết:

- Những thông tin thay đổi trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng sự thật của các giấy tờ trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán đính kèm.

- Chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và xin chịu trách nhiệm đối với mọi vấn đề phát sinh trong trường hợp chúng tôi không thực hiện đúng, đầy đủ quy định về mở và sử dụng tài khoản do Ngân hàng Nhà nước quy định.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ đính kèm:
1).....
2).....

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Sau khi kiểm soát và xác định các giấy tờ bổ sung, thay đổi tại Hồ sơ mở tài khoản thanh toán của....., số tài khoản thanh toán..... là đầy đủ và hợp pháp, Ngân hàng Nhà nước..... chấp thuận với những thay đổi trên của.....

---

[1] Kê khai đầy đủ các thông tin cá nhân của người đăng ký mẫu chữ ký (trường hợp có thay đổi) tương tự như việc đăng ký mẫu chữ ký lần đầu theo mẫu phụ lục số … tại Nghị định số 52/2024/NĐ-CP.

Thời điểm bắt đầu có hiệu lực:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH NHNN/
GIÁM ĐỐC NHNN CHI NHÁNH.....
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 02

ĐƠN VỊ.....
(Tên Tổ chức mở tài khoản thanh toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN NGHI NGỜ LIÊN QUAN GIẢ MẠO, GIAN LẬN, LỪA ĐẢO

(Tháng ..... Năm…….)

STT	Mã khách hàng (CIF)	Số giấy tờ tùy thân	Loại giấy tờ tùy thân	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Số tài khoản	Ngày mở tài khoản	Số điện thoại đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử	Lý do nghi ngờ	Trạng thái tài khoản	Thông tin định danh duy nhất của thiết bị (địa chỉ MAC)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
1													
2													
3													
4													

Ghi chú:

- Thời gian cung cấp thông tin: Trước ngày 10 hàng tháng.

- Hình thức cung cấp thông tin: Cung cấp thông qua Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán của Ngân hàng Nhà nước (SIMO).

Hướng dẫn lập bảng:

- Tại Cột 4: *Ghi rõ Loại giấy tờ tùy thân bằng số (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) tương ứng như sau: 1. Thẻ căn cước công dân ; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác.*

- Tại Cột 6*: Ghi rõ: "M" đối với giới tính Nam, "F" đối với giới tính Nữ.*

- Tại Cột 11: *Số điện thoại đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử là số điện thoại đăng ký giao dịch trên phần mềm ứng dụng giao dịch ngân hàng trên internet, điện thoại di động.*

*- **Tại Cột 12**: Ghi rõ một hoặc nhiều lý do bằng số (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8) tương ứng như sau:*

1. *Thông tin trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán của chủ tài khoản thanh toán không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.*
2. *Tài khoản thanh toán nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng.*
3. *Tài khoản thanh toán nhận tiền từ nhiều tài khoản thanh toán khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít).*
4. *Tài khoản thanh toán có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các tài khoản thanh toán nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo,...*
5. *Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.*
6. *Tài khoản thanh toán phát sinh giao dịch bất thường (Ví dụ: Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi,... của chủ tài khoản thanh toán; phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường...)*
7. *Một thông tin định danh duy nhất của thiết bị (địa chỉ MAC) được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 tài khoản thanh toán.*
8. *Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.*

- Tại Cột 13: *Ghi rõ Trạng thái tài khoản bằng số (1, 2, 3, 4, 5) tương ứng như sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng.*

NGƯỜI LẬP BẢNG *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP** **CỦA NGÂN HÀNG** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Số điện thoại liên hệ:
Bộ phận: